

THAM THIÊN YẾU CHỈ

I. ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TIÊN CỦA SỰ THAM THIÊN.

Mục đích tham thiên là cầu được minh tâm kiến tánh. Muốn thế, phải gạt bỏ các thứ nhiễm ô của tự tâm, thấy rõ mặt thật của tự tánh. Nhiễm ô tức là vọng tưởng chấp trước. Tự tánh là đức tướng trí tuệ Như Lai. Đức tướng trí tuệ Như Lai, chư Phật và chúng sanh đồng có đủ, không hai không khác. Nếu rời vọng tưởng chấp trước là chứng được đức tướng trí tuệ Như Lai của mình; phải thế là Phật, không phải thế là chúng sanh. Chỉ vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay mê muội đắm chìm trong sanh tử, nhiễm ô đã lâu, không thể trong chốc lát thoát được vọng tưởng, thật thấy bản tánh, vì thế nên phải tham thiên. Điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiên là trừ diệt vọng tưởng. Phương pháp trừ vọng tưởng như thế nào? Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói phương pháp rất nhiều, nhưng rất giản lược chẳng qua một chữ hết, hết là Bỏ-đề. Thiên tông do Tổ sư Đạt-ma truyền sang Trung Hoa, sau đến đức Lục Tổ, tông phong bủa khắp sáng chiếu cổ kim. Câu rất khẩn yếu mà đức Tổ sư Đạt-ma và Lục Tổ khai thị cho môn đồ là “Trừ sạch các duyên, một niệm không sanh”. Trừ sạch các duyên tức là vạn duyên buông hết. Hai câu: “Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh” chính là điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiên. Hai câu ấy nếu thực hiện không được, tham thiên chẳng những không thành công mà vào cửa cũng không thể được. Bởi vì vạn duyên còn ràng buộc, niệm niệm mãi sanh diệt, ông làm sao tham thiên được?

“Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh” là điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiên, dĩ nhiên chúng ta đã biết. Nhưng phải làm thế nào mới có thể thực hiện được? Có hai cách:

1- Bậc thượng, một niệm hằng dứt, thẳng đến vô sanh liền chứng Bỏ-đề, không còn một mảy may ràng buộc.

2- Bậc thứ, dùng lý trừ sự, biết rõ tự tánh xưa nay vẫn thanh tịnh, phiền não Bỏ-đề, sanh tử Niết-bàn đều là giả danh không can dự gì đến tự tánh của ta. Muôn sự muôn vật đều là việc chiêm bao, huyền hóa, hòn bọt, cái bóng. Sắc thân tứ đại của ta đây và sơn hà đại địa ở trong tự tánh như hòn bọt ngoài bể cả, mặc tình sanh diệt không ngại gì bản thể. Ta không nên theo sự sanh, trụ, dị, diệt của tất cả cái huyền hóa ấy mà khởi ưa, chán, thú, xả. Toàn thân buông hết như người chết không khác, tự nhiên căn, trần, thức, tâm tan biến; tham, sân, si, ái diệt sạch. Mọi việc đau nhức, khổ vui, đói lạnh, no ấm, vinh nhục, sanh tử, họa phúc, kiết hung, chê khen, được mất, an nguy, khó dễ v.v... nơi thân một mực đẩy chúng ra ngoài. Có thể mới mong buông hết. Một buông, tất cả đều buông, mãi mãi buông gọi là

vạn duyên buông hết. Vạn duyên buông hết rồi, vọng tưởng tự tiêu, phân biệt không khởi, các chấp trước hăng xa lìa. Khi ấy, một niệm không sanh, tự tánh sáng suốt, toàn thể hiện bày. Được vậy là điều kiện tham thiên đã đầy đủ, lại dụng công chân thật tham cứu mới có thể được minh tâm kiến tánh.

Hằng ngày thường có các vị tu thiên đến hỏi câu thoại đầu. Phạm là pháp vốn không phải pháp, một khi rơi vào ngôn ngữ tức không phải thật nghĩa. Biết được một tâm này xưa nay là Phật, ngay đó vô sự muôn việc hiện thành, nói tu nói chứng đều là ma thuyết. Đức Đạt-ma sang Trung Hoa “Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”. Chỉ bày rành rõ tất cả chúng sanh đều là Phật. Thẳng đó nhận được tự tánh thanh tịnh này, tùy thuận không nhiễm ô, trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm tâm không khởi vọng, ấy là hiện thân thành Phật; chẳng cần dụng tâm dụng lực, cũng chẳng cần tạo tác thi vi, không nhọc một mảy may suy nghĩ nói năng. Do đó, nói thành Phật là việc rất dễ dàng, rất tự tại, đạt được là tại nơi ta, không phải cầu bên ngoài. Tất cả chúng sanh trên thế giới này, nếu thật không cam chịu trường kiếp trầm luân trong tứ sanh lục đạo, hằng đắm chìm nơi bể khổ, muốn thành Phật được thường, lạc, ngã, tịnh, phải tin lời chân thật của Phật Tổ “buông hết tất cả, không nghĩ nhớ thiện ác”, mỗi người khả dĩ liền đó thành Phật. Chư Phật, Bồ-tát và lịch đại chư vị Tổ sư phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh, không phải là không bằng cứ, đâu phải chỉ hứa nguyện suông.

Đã nói ở trên, pháp vốn như vậy, Phật Tổ lắm phen dạy rõ căn dặn kỹ càng, là chân ngữ thật ngữ, không một mảy hư dối. Phật do lòng đại từ bi không nệ tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê muội chìm đắm trong biển khổ sanh tử, vừa ra lại vào, luân chuyển không dừng, mê lầm điên đảo, trái tánh giác hợp vọng trần. Ví như vàng ròng bỏ vào hàm phấn, không những chẳng dùng được mà lại như nhớp quá lắm. Ngài bất đắc dĩ nói ra tám muôn bốn ngàn pháp môn, tùy căn cơ chẳng đồng của chúng sanh dùng đối trị tham, sân, si, ái v.v... tám muôn bốn ngàn bệnh tập khí vi tế. Như vàng đã dính các thứ như nhớp, mới dạy người dùng sạn, bàn chải, nước, vải v.v... để mài giũa, chùi rửa nó. Sở dĩ Phật nói pháp, mỗi môn đều là diệu pháp, đều có thể liễu thoát sanh tử, thành Phật đạo. Chỉ có vấn đề hợp cơ hay không hợp cơ, không cần phân biệt pháp môn cao hay thấp. Pháp môn lưu truyền ở Trung Hoa rất phổ thông là Tông, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Năm pháp môn này tùy căn tánh và chỗ hứng thú của mỗi người thực hành môn nào cũng tốt. Quan trọng là trong một môn được thâm nhập, trải thời gian lâu không đổi thay, như vậy khả dĩ thành tựu.

Về Tông môn chủ trương tham thiên, tham thiên cốt “Minh tâm kiến tánh”, cần tham suốt được cái “bản lai diện mục của mình”, nên nói: “Giác ngộ tự tâm,

thấy suốt bản tánh”. Pháp môn này phát nguyên từ hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen, ngài Ca Diếp cười chum chim, đến Tổ sư Đạt-ma truyền sang Trung Hoa, về sau chỗ hạ thủ công phu đã từng thay đổi. Các bậc Thiền đức trước đời Đường, đời Tống phần nhiều nghe một lời, hoặc nửa câu được ngộ đạo. Thầy trò truyền nhau chẳng qua dùng tâm ấn tâm, không có một thật pháp. Ngày thường thưa hỏi, trả lời cũng chẳng qua tùy cách phá chấp, theo bệnh cho thuốc mà thôi. Từ đời Tống về sau, người học đạo căn tánh yếu ớt cạn hẹp, nói được mà làm không được. Ví như nói “buông hết tất cả”, “không nghĩ thiện ác”, thầy đều buông mà không hết, không nghĩ thiện thì nghĩ ác. Đến thời đại này Tổ sư bắt đắc dĩ dùng biện pháp lấy độc trừ độc, dạy người học tham công án hay khán thoại đầu. Thậm chí thiết tha cắn chặt một câu “Từ thoại đầu”, dạy phải nghiền ngẫm cấp bách không một sát-na lơ lửng, giống như con chuột khoét rương cắn mãi một chỗ, chưa phủng thì không dừng. Dạy như vậy, mục đích lấy một niệm trừ muôn niệm. Kỳ thật, đó cũng là một biện pháp bắt đắc dĩ, như mụn nhọt độc trong thân, nếu không dùng dao mổ thì bệnh khó lành. Công án của cổ nhân rất nhiều, sau này chuyên dạy khán thoại đầu, khán “Mang thầy thúí ấy là gì?”, khán “Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt thật xưa nay của ta?”. Gần đây, các nơi phần nhiều dùng một câu thoại đầu khán “Niệm Phật là gì?”. Kỳ thật, những câu thoại đầu đều cùng một loại, đều rất bình thường không có gì kỳ lạ đặc biệt. Có thể ta nói: khán “Niệm kinh là gì?”, khán “Trì chú là gì?”, khán “Lễ Phật là gì?”, khán “Đi đường là gì?”, khán “Ngủ mới thức là gì?”... đều cùng một loại như nhau. Sau chữ gì là đáp án, nó vốn là tâm. Thoại (lời nói) từ tâm khởi, tâm là đầu của niệm. Muôn pháp đều từ tâm khởi, tâm là đầu của muôn pháp. Kỳ thật, thoại đầu tức là niệm đầu, trước niệm chính là tâm. Nói thẳng, trước khi một niệm chưa sanh là thoại đầu. Do đây, chúng ta biết khán thoại đầu tức là quán tâm. Trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt thật xưa nay tức là tâm. Khán trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt thật xưa nay là quán tâm. Tánh cũng tức là tâm. Câu “Phản vấn vấn tự tánh” (xoay cái nghe nghe tự tánh) là phản quán quán tự tâm. Câu “Viên chiếu thanh tịnh giác tướng” (chiếu khắp tướng giác thanh tịnh), thanh tịnh giác tướng tức là tâm, chiếu tức là quán. Tâm tức là Phật, niệm Phật tức là quán Phật, quán Phật tức là quán tâm. Sờ dĩ nói “khán thoại đầu” hoặc nói “khán niệm Phật là gì”, đều là quán tâm, quán chiếu giác thể tự tâm thanh tịnh, là quán chiếu Phật tánh của mình. Tâm tức là tánh, tức là giác, tức là Phật, không có hình tướng chỗ nơi, trọn không thể được, sẵn vậy thanh tịnh, khắp cả pháp giới, không ra không vào, không qua không lại, chính là xưa nay hiện thành Pháp thân Phật thanh tịnh. Hành nhân thu nhiếp lục căn “khán từ chỗ một niệm mới sanh”, soi xét một câu thoại đầu này, khán đến chỗ tự tâm thanh tịnh ly niệm. Lại tiến lên, càng thâm kín dày

đặc, lặng lẽ yên tịnh, tuy tịch mà chiếu, thẳng đó ngũ uẩn đều không, thần tâm đều vắng lặng, hoàn toàn không có một việc. Từ đây ngày đêm đi đứng ngồi nằm như như không động, càng lâu công phu càng dày liền được thấy tánh thành Phật, vượt qua mọi khổ ách. Xưa Tổ sư Cao Phong nói: “Người học đạo hay khán một câu thoại đầu, như gieo hòn gạch xuống hồ sâu muôn trượng, rơi thẳng tận đáy, được vậy trong bảy ngày, nếu không khai ngộ, Lão tăng xin dâng thủ cấp”. Bạn đồng tham thiên! Câu nói của người xưa là chân ngữ, thật ngữ, không phải lời nói dối trá lừa đảo đâu!

Nhưng, tại sao người hiện thời khán thoại đầu rất nhiều, mà không có mấy người ngộ đạo? Ấy là do người hiện thời căn cơ không bằng người xưa, cũng tại người học đạo đường lối tham thiên khán thoại đầu đa số không rành rõ. Có người tham động đến già, một câu thoại đầu vẫn không rành rõ, không biết thế nào là thoại đầu thì làm sao khán thoại đầu? Một đời chỉ chấp trước ngôn cú, danh tướng, dụng tâm tại thoại vĩ (đuôi lời nói) mà thôi. Hoặc có người khán “Tham Phật là gì?”, hoặc “Chiếu cổ thoại đầu”, khán qua khán lại, tham tới tham lui cùng câu thoại đầu đông tây chạy ngược nhau. Như vậy, làm sao hội ngộ được cái vô vi đại đạo bản nhiên này? Làm sao đến được cái vương vị tất cả không thọ? Hoặc có người bỏ mạng vàng vào con mắt, con mắt bị mù, làm sao được phóng quang sáng suốt? Đáng thương thay! Đáng thương thay! Có những người hảo tâm xuất gia chí nguyện phi phạm, mà kết quả chỉ một bề nhọc công vô ích, rất đáng thương xót! Người xưa nói: “Thà đành ngàn năm không ngộ, không cam một ngày sai lầm”.

Người tu hành ngộ đạo dễ mà khó, khó mà dễ, giống như vặn nút đèn điện, biết thì khoảng khắc móng tay đèn cháy sáng trưng, cái đèn tối muôn năm liền hết, không biết thì vặn máy hỏng đèn hư, phiền não càng tăng trưởng. Có một ít người tham thiên khán thoại đầu bị ma phát điên, thổ huyết, mắc bệnh, bởi vì lửa vô minh quá to, chấp nhân ngã thật dày, đó là những gương rất rõ ràng. Sờ dĩ người dụng công cốt khéo điều hòa thân tâm, cần phải tâm bình khí hòa, không chướng ngại, không nhân ngã, đi đứng ngồi nằm khéo hợp với máy huyền diệu.

Pháp tham thiên xưa nay không có phân biệt, chỉ do công phu tu tập, sơ tham có khó và dễ, lão tham cũng có khó và dễ. Cái khó của người sơ tham là thế nào? – Vì thân tâm không thuần thực, đường lối chưa rành rõ, dụng công không đến nơi, nếu trong tâm không chấp cấp bách thì bị bệnh ngủ gật qua ngày, kết quả thành: “năm đầu sơ tham, năm thứ hai lão tham, năm thứ ba không tham”. Cái dễ là sao? - Chỉ cần đầy đủ tín tâm, tâm lâu bền và vô tâm. Tín tâm, một là tin tâm ta đây xưa nay là Phật,

cùng chư Phật mười phương và chúng sanh không khác; hai là tin pháp của đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói mỗi pháp đều được liễu sanh thoát tử và thành Phật đạo. Tâm lâu bền, phải tuyển chọn nhất định một pháp, trọn đời thực hành, cho đến đời sau và đời sau nữa đều như thế hành trì. Nếu là tham thiên thì cứ như thế mà tham, nếu niệm Phật thì cứ như thế mà niệm, nếu trì chú thì cứ như thế mà trì, nếu học giáo lý thì cứ từ văn, tự, tu mà thực hành. Dù tu một pháp môn nào cũng lấy giới làm căn bản. Nếu đúng như vậy mà thực hành sau này nhất định thành công. Qui Sơn Lão nhân nói: “Nếu có người hay thực hành pháp này (tham thiên) ba đời không lui sụt, quả vị Phật quyết định có ngày”. Vĩnh Gia Lão nhân nói: “Nếu dùng vọng ngữ lừa chúng sanh, hằng đọa địa ngục Bạt Thiết số kiếp như cát bụi”. Vô tâm chính là buông hết tất cả, giống hệt như người chết, trọn ngày tùy chúng làm việc mà không khởi một điểm phân biệt chấp trước, thành một vị đạo nhân vô tâm. Người sơ tham đầy đủ ba tâm ấy rồi, nếu tham thiên khán thoại đầu, nên khán “Niệm Phật là gì?”. Ông tự thâm niệm ít tiếng “A Di Đà Phật”, khán cái niệm Phật đó là gì? Một niệm ấy từ chỗ nào phát khởi? Nên biết, một niệm ấy không phải từ miệng ta khởi, cũng không phải từ thân thịt ta khởi. Nếu từ thân miệng ta khởi, khi ta chết rồi thân miệng vẫn còn sao không thể niệm? Phải biết, một niệm này là từ tâm ta khởi, tức từ chỗ tâm niệm khởi phải chăm chăm nhìn thẳng nơi đó, như mèo rình chuột, toàn thể tinh thần tập trung vào một chỗ này, không có niệm thứ hai. Chỉ cần giữ trung bình giữa hoãn và gấp, không cho gấp quá sẽ phát bệnh chướng. Đi đứng ngồi nằm đều giữ như vậy, lâu ngày công phu đầy đủ, thời tiết nhân duyên đến, một phen xúc chạm quả dưa chín cuống rụng bỗng nhiên đại ngộ. Khi ấy, như người uống nước lạnh nóng tự biết, thẳng đến chỗ không nghĩ ngợi, như thấy chữ Thập đầu đường đi thẳng về nhà gặp cha rất an vui.

Cái khó dễ của người lão tham thế nào? - Lão tham là người đã gần gũi thiện tri thức, dụng công nhiều năm, đã trải qua một phen luyện lọc thân tâm thuần thực, đường lối rành rõ, dụng công một cách tự tại không thấy cay đắng. Cái khó của bậc Thượng tọa lão tham chính là dừng trụ trong chỗ tự tại sáng suốt, nghỉ trong Hóa thành không đến Bảo sở. Hay tịnh không hay động, không thể được cái chân thật thọ dụng; thậm chí gặp cảnh sanh tịnh thủ xả như xưa, ưa chán cũng hiện rõ. Vọng tưởng thô và tế vẫn nguyên vẹn bền chắc, chỗ dụng công như hòn đá ngâm nước lạnh không có tác dụng, lâu dần cũng sanh mỗi mết, trọn không thể đắc quả khởi dụng. Thượng tọa lão tham! Biết được cái khốn khổ này rồi, lập tức đề khởi câu thoại đầu cũ, phần chấn tinh thần, đầu sào trăm trượng lại bước vượt lên, thẳng đến đỉnh núi cao chót vót mà đứng, tận đáy biển sâu thăm thẳm mà đi, buông tay tung hoành, cùng gặp gỡ chư vị Phật Tổ, những cái khốn khổ đâu còn, không dễ là gì?

Thoại đầu tức là nhất tâm, cái nhất tâm này của chúng ta không phải ở trong, ngoài và chặng giữa, mà cũng ở trong, ngoài và chặng giữa, như hư không không động mà khắp tất cả chỗ. Sở dĩ thoại đầu không nên đem lên trên, cũng không nên đề xuống dưới. Đem lên trên thì dẫn khởi tán loạn, đề xuống dưới thì rơi vào hôn trầm, trái với tánh chất bản tâm, đều không phải là Trung đạo. Các vị sợ vọng tưởng, cho hàng phục vọng tưởng là rất khó khăn. Tôi xin thưa quý vị, không nên sợ vọng tưởng cũng không cần phí sức hàng phục vọng tưởng. Các vị chỉ cần nhận ra vọng tưởng, không chấp trước nó, không tùy thuận nó, cũng chẳng cần xua đuổi nó, chỉ không cho tiếp tục thì vọng tưởng tự lìa. Nên nói: “Vọng khởi liền biết, biết vọng liền lìa”. Nếu khéo lợi dụng vọng tưởng khởi công phu, khán “Vọng tưởng này từ chỗ nào phát sanh?”. Vọng tưởng không tánh chính nó là không, tức là tâm tánh vốn không của ta, tự tánh thanh tịnh pháp thân Phật ngay đây được hiện tiền. Xét thật mà nói, chân vọng một thể, chúng sanh và Phật không hai, sanh tử Niết-bàn, phiền não Bồ-đề đều là bản tâm bản tánh, không cần phân biệt, không cần ưa chán, không cần thủ xả. Tâm thanh tịnh này xưa nay là Phật, không nhận một pháp, làm gì có nhiều mối? Tham!

☞

II. THIÊN ĐƯỜNG CHỈ DẠY.

DẪN LỜI DẠY.

Chư vị hằng ngày đến thỉnh tôi chỉ dạy khiến tôi rất hổ thẹn. Chư vị ngày ngày nhọc nhằn cuộc đất, bừa củi, gánh gạch làm việc quên cả sớm chiều, mà vẫn không quên tâm niệm cầu giải thoát. Hạt giống thiết tha vì đạo ấy khiến mọi người đều cảm động. Hư Văn này hổ thẹn không đạo không đức, nói không đến đâu lấy gì chỉ dạy, chỉ lược lật những lời dạy của cổ nhân để đáp lại lời khẩn cầu của chư vị mà thôi.

B. PHƯƠNG PHÁP NHẬP MÔN DỤNG CÔNG.

Phương pháp dụng công tu hành rất nhiều, hiện tại chỉ tóm lược chỉ bày:

1. ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC KHI TU TẬP:

a) Tin sâu nhân quả. – Không luận người nào, nếu muốn dụng công tu tập trước cần phải tin sâu nhân quả. Nếu không tin nhân quả, thực hành cần bướng, không những tu hành chẳng thành công mà tam đồ cũng khó tránh. Cổ đức nói: “Muốn biết nhân đời trước hãy xem sự lãnh thọ của đời này, muốn biết quả đời sau hãy nhìn sự gây tạo hiện tại”. Lại nói: “Giả sử đã tạo nghiệp trăm ngàn kiếp vẫn không mất, khi nhân duyên hội ngộ quả báo trở lại tự chịu”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhân địa không

ngay, quả báo công vậy”. Cho nên gieo nhân lành kết quả lành, gieo nhân ác gặt quả ác, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu là đạo lý tất nhiên vậy.

Nói đến nhân quả tôi xin thuật hai câu chuyện xưa để chứng minh:

Chuyện vua Lưu Ly giết dòng họ Thích.

Trước đức Phật Thích-ca ra đời, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một làng chài lưới, trong làng có cái hồ to. Khi ấy, trời hạn nước cạn, bao nhiêu cá trong ao bị người làng bắt ăn hết, sau cùng còn lại một con cá thật to cũng bị người làm thịt luôn. Trong làng chỉ có một đứa bé lâu nay không ăn thịt cá, hôm ấy đến thấy con cá to lấy cây gỗ trên đầu nó ba cái rồi đi. Sau này khi đức Thích-ca ra đời, vua Ba-tư-nặc rất kính tin Phật pháp, cưới con gái dòng họ Thích làm vợ, sanh được một Thái tử đặt tên Lưu Ly. Lúc thơ ấu, Lưu Ly ở bên ngoài tại thành Ca-tỳ-la-vệ học, một hôm nhân giỡn chơi trèo lên tòa của Phật ngồi, bị người họ Thích rầy mắng kéo lôi xuống, nên ôm lòng uất hận. Đến khi Lưu Ly lên làm vua, xuất đại binh đánh thành Ca-tỳ-la-vệ, bắt hết dân cư trong thành giết sạch, chính khi ấy đức Thích-ca nhứt đầu ba ngày. Các vị đệ tử lớn của Phật cầu xin Phật tìm cách giải cứu dòng họ Thích. Phật nói: “Định nghiệp khó chuyển”. Tôn giả Mục Liên dùng sức thần thông lấy bình bát đến thân năm trăm người dòng Thích-ca đem đổ trên không trung; khi giặc qua, Ngài đem xuống thả ra, không ngờ khi trút bát thấy tất cả đều biến thành máu. Các đệ tử lớn đến thưa hỏi Phật, Phật đem việc xưa dân trong làng ăn cá thuật lại: Con cá lớn ngày xưa là vua Lưu Ly hiện nay, quân đội của vua Lưu Ly đều là những con cá nhỏ trong hồ. Dân cư trong thành Ca-tỳ-la-vệ bị giết đều là người ăn cá ngày xưa. Thân Phật chính là đứa bé gỗ đầu cá ba cái ngày xưa, nên hiện tại bị quả báo nhứt đầu ba ngày. Vì định nghiệp khó tránh nên năm trăm người dòng họ Thích tuy được Tôn giả Mục Liên cứu thoát, cũng không bảo tồn được tánh mạng. Sau này vua Lưu Ly bị đọa địa ngục. Oan oan tương báo không biết bao giờ hết được. Nhân quả thật đáng sợ vậy.

Chuyện ngài Bá Trượng độ Hồ Ly.

Bá Trượng Lão nhân một hôm vào nhà giảng, giảng xong các thính giả ra hết, chỉ còn lại một ông già không lui đi. Ngài Bá Trượng hỏi: “Ông còn muốn hỏi gì?”. Ông ấy thưa: “Con là Dã hồ tinh không phải là người, đời trước con vốn làm Đường đầu (Trụ trì) ở đây, nhân có người học, hỏi con: ‘Bậc đại tu hành lại rơi vào luật nhân quả chăng?’. Con đáp: ‘Không rơi nhân quả’. Do đó con bị đọa lạc làm Dã hồ tinh đã năm trăm năm, không có cách nào thoát thân, mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho!”. Ngài Bá Trượng bảo: “Người hỏi lại ta”. Ông ấy bèn hỏi: “Bậc Hòa thượng! Bậc đại tu

hành lại rơi vào nhân quả chăng?”. Tổ Bá Trượng đáp: “Không làm nhân quả”. Ông già nghe câu này liền đại ngộ. Ông lễ tạ thưa: “Nay nương lời đáp thay của Hòa thượng khiến con siêu thoát thân Dã hồ, con ở hang sau núi, mong Hòa thượng lấy lễ tống táng theo nhà sư cho con”. Hôm sau, Tổ Bá Trượng lại hang sau núi, lấy gậy bới ra có xác con hồ tinh, bèn dùng lễ theo nhà sư mà an táng.

Chúng ta nghe hai câu chuyện xưa này càng biết rõ nhân quả đáng sợ, tuy thành Phật vẫn khó khỏi quả báo nhứt đầu. Sự báo ứng một mây may không sai lạc, định nghiệp thật khó trốn tránh. Chúng ta gắng cần thận, gắng dè dặt chớ có gây nhân.

b) Nghiêm trì giới luật. – Dụng công tu hành trước nhất phải trì giới. Giới là cội gốc quả vô thượng Bồ-đề, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, nếu không trì giới mà tu hành thì không thể được. Trong kinh Lăng Nghiêm dạy rõ bốn món thanh tịnh, dạy chúng ta rằng: “Không trì giới mà tu chánh định không thể thoát khỏi trần lao, dù hiện tiền có nhiều trí tuệ, nhiều thiền định cũng rơi vào tà ma ngoại đạo”. Đó nên biết, trì giới là trọng yếu, người trì giới Long Thiên ủng hộ, ma ngoại kính sợ. Người phá giới, bọn quý gọi là giặc lớn, nó quét dấu chân của người ấy. Ngày xưa tại nước Kế Tân, gần bên đất già lam có một con độc long thường khi ra nhiễu hại dân chúng địa phương. Có năm trăm vị A-la-hán nhóm họp một chỗ dùng sức thiền định đuổi nó đi, rốt cuộc không hiệu quả gì cả. Sau có một vị Tăng, không cần nhập thiền định chỉ đến gần con độc long nói một câu: “Hiền thiện ! Hãy tránh xa chỗ này đi”. Con độc long liền đi mất. Các vị A-la-hán hỏi vị Tăng ấy: “Ông dùng thần thông gì đuổi được con độc long?”. Vị Tăng đáp: “Tôi không dùng sức thiền định, chỉ do cần thận đối với giới, gìn giữ giới kính cũng như giới trọng”. Chúng ta tưởng tượng sức thiền định của năm trăm vị A-la-hán mà không bằng một vị Tăng nghiêm trì giới luật.

Hoặc có người bảo: “Lục Tổ nói tâm bình đầu cần trì giới, hạnh thẳng nào dụng tham thiên”. Tôi xin hỏi ông: Tâm ông đã bình, hạnh ông đã thẳng chưa? Giả sử có người con gái đẹp lửa thể đến ôm ông, ông có thể không động tâm chăng? Có người vô lý mạ nhục đánh đập ông, ông có thể không sanh tâm sân hận chăng? Ông đã đạt được chỗ không phân biệt oán thân, thương ghét, nhân ngã, phải quấy chưa? Cần thận khi làm được mới nói những lời to ấy, nếu làm không được mà nói chỉ là nói suông.

c) Tín tâm kiên cố. – Có ý dụng công tu tập trước cần phải có lòng tin bền chặt. Lòng tin là đầu của Đạo, là mẹ các công đức. Bất luận làm việc gì không có lòng tin thì làm không xong. Chúng ta cốt liễu thoát sanh tử, điều cần thiết phải có lòng tin bền chặt. Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ do vọng tưởng chấp trước không thể chứng được”. Phật lại dạy các thứ

pháp môn để đối trị tâm bệnh của chúng sanh. Chúng ta nên tin lời Phật nói không hư dối, tin chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Sở dĩ chúng ta chưa được thành Phật, đều do chưa triệt để dụng công đúng như pháp mà thôi. Ví như chúng ta tin đậu nành làm đậu hũ được, nếu ta không ra công nấu đậu hũ thì đậu nành tự nó không thể biến thành đậu hũ. Nếu chúng ta đi nấu đậu hũ mà để thạch cao không đúng lượng, đậu hũ cũng không thể thành. Nếu ta nấu đúng pháp, để thạch cao đúng lượng quyết định sẽ thành đậu hũ. Người tu hành cũng như thế, không dụng công tu tập cố nhiên không thành Phật, dụng công không đúng pháp Phật cũng không thể thành. Nếu người tu tập đúng pháp, không lui không hối, quyết định người này sẽ thành Phật. Cho nên, chúng ta phải tin sâu chính mình xưa nay là Phật; lại tin sâu y giáo pháp Phật dạy tu hành quyết định thành Phật. Vĩnh Gia Thiền sư nói: “Chứng thật tướng không nhân pháp, sát-na diệt hết nghiệp A-tỳ, nếu dùng lời vọng dối chúng sanh, tự chuốc địa ngục (Bạt Thiệt) trần sa kiếp”. Ngài Vĩnh Gia vì lòng từ bi, cốt định chắc lòng tin cho người đời sau, nên phát lời thệ rộng lớn như vậy.

d) Quyết định pháp môn tu hành.- Lòng tin đã đủ, lại nên chọn một pháp môn để tu trì, cần phải không được sớm Tàn chiều Sở. Bất luận niệm Phật cũng tốt, trì chú cũng tốt, tham thiền cũng tốt, điều cần thiết là nhận định một pháp môn thẳng đó tiến tu hăng không lui sụt. Ngày nay chưa thành công, ngày mai vẫn tiến hành như thế; năm nay chưa thành công, năm tới vẫn tiến hành như thế; đời này chưa thành công, đời sau vẫn tiến hành như thế. Qui Sơn Lão nhân nói: “Đời đời nếu không lui sụt, quả Phật quyết định có ngày”. Có một số người làm mà không chú ý quyết định, ngày nay nghe vị thiện tri thức này nói niệm Phật hay, liền niệm Phật được vài ngày; ngày mai nghe vị thiện tri thức kia nói tham thiền hay, lại tham thiền vài ngày, sang đông tìm tây, một đời kiếm tìm đến chết mà không được một chút kết quả, rất uổng thay!

2. PHƯƠNG PHÁP THAM THIỀN:

Pháp môn dụng công tuy nhiều mà chư Phật, Tổ sư đều cho tham thiền là vô thượng diệu môn. Trên hội Lăng Nghiêm Phật dạy Bồ-tát Văn Thù chọn môn viên thông, ngài Văn Thù chọn môn nhĩ căn viên thông của Bồ-tát Quán Thế Âm là bậc nhất hơn cả. Chúng ta cần “Phản văn văn tự tánh” (xoay cái nghe nghe tự tánh) chính là tham thiền. Trong thiền đường này cũng nên giảng một pháp tham thiền.

a) Tọa thiền nên biết. – Bình thường nhật dụng đều là hành đạo, như vậy chỗ nào không phải là đạo tràng, cần gì thiết lập thiền đường, cũng không phải tọa thiền mới là thiền. Nói thiền đường, nói tọa thiền chẳng qua vì chúng ta là chúng sanh trong

thời mạt pháp chướng sâu, tuệ cạn mà tạm thiết lập.

Tọa thiền cần hiểu rõ cách điều dưỡng thân tâm. Nếu không khéo điều, hại nhỏ là sanh bệnh, hại to là bị ma, thật đáng tiếc vậy. Trong thiền đường đi kinh hành, hoặc tọa thiền chỗ dụng ý chính là điều thân tâm. Phương pháp điều thân tâm rất nhiều, nay chọn lọc những điều cần yếu lược nói:

Khi ngồi kiết già phải theo thứ tự, giữ tự nhiên và ngồi ngay thẳng. Không được để ý ểnh lưng thẳng lên, nếu ểnh thẳng lưng hơi nóng xông lên tự lại lâu ngày, con mắt sanh nhiều ghèn, miệng hôi, đầu nóng, không muốn ăn uống, quá lắm đến thổ huyết. Lại không được để lưng cong đầu cúi nhiều, nếu vậy dễ sanh hôn trầm. Như biết khi hôn trầm tới, mở mắt to ra, ểnh lưng một cái và động nhẹ nhẹ hai bên hông, hôn trầm tự nhiên tiêu diệt.

Nếu dụng công cấp bách quá, khi nghe trong lòng bứt rứt nên bỏ hết mọi việc và xả luôn cả dụng công, dừng nghỉ độ năm mươi phút, dần dần thư thái, nhiên hậu đề khởi dụng công. Nếu không như vậy, dồn chứa lâu ngày biến thành tánh nóng nảy dễ sân, thậm chí phát cuồng bị ma.

Tọa thiền khi có chút thọ dụng (thấy cảnh giới lạ) cảnh giới phát hiện rất nhiều nói không thể hết, chỉ ta không chấp trước cảnh giới ấy thì nó không làm ngại ta được. Lời tục nói: “Thấy quái ta không quái, quái tự mất”. Trông thấy yêu ma quỷ quái đến nhiều hại ta, ta không cần quan tâm đến nó, cũng không sợ nó hại. Chính thấy đức Phật Thích-ca đến rờ đầu thọ ký, ta cũng không quan tâm đến, chẳng nên sanh vui mừng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Không khởi tâm cho mình chứng Thánh, là cảnh giới lành, khởi tâm cho mình chứng Thánh, tức lạc quần tà”.

b) Hạ thủ công phu - biết chủ khách.- Hạ thủ công phu thế nào ư? Trên hội Lăng Nghiêm ngài Kiều Trần Như nói hai chữ Khách Trần, chính là chỗ sơ tâm chúng ta hạ thủ công phu vậy. Ngài nói: “Vị như người hành khách dừng nghỉ nơi quán trọ, hoặc ngủ hoặc ăn, ăn ngủ xong gói hành lý ra đi, đi không trở về nghỉ lại. Nếu thật người chủ thì không đi đâu. Như thế suy xét, không ở lại gọi là khách, ở lại gọi là chủ. Bởi không ở lại nên nghĩa là khách. Lại như buổi sáng trời tạnh, mặt trời vượt lên, ánh sáng soi qua các kẽ hở, soi rõ các vi trần trong hư không, vi trần diêu động, hư không yên lặng. Yên lặng là Không, diêu động là nghĩa Trần”. Khách và trần dụ vọng tưởng, chủ và hư không dụ tự tánh. Người chủ thì thường ở, không phải như khách hoặc đi hoặc đến, đó là dụ tự tánh thường trụ vốn không theo vọng tưởng chợt sanh chợt diệt. Nên nói: “Chỉ tự vô tâm với vạn vật, ngại gì vạn vật thường nhiễu loạn”. Tính chất vi trần tự diêu động vẫn không làm ngại được cái yên lặng của hư không. Dụ vọng tưởng tánh nó sanh diệt vẫn không

làm ngại được tự tánh như như bất động. Nên nói: “Một tâm không sanh, muôn pháp chẳng lỗi lầm”.

Trong đây chữ Khách so phần thô, chữ Trần so phần tế. Người mới phát tâm trước nhận rõ Chủ và Khách, tự không bị nó kéo lôi; tiến lên nhận rõ ràng Không và Trần, vọng tưởng không thể làm chướng ngại. Nên nói: “Biết được, không phải oán”. Người hay xét kỹ lãnh hội được chỗ này, sự dụng công tu hành rất chóng tiến.

c) Thoại đầu cùng nghi tình. - Thời xưa Tổ sư chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Như cách an tâm của Tổ Đạt-ma, lối bàn kiến tánh của Lục Tổ, chỉ cần thẳng đó thừa nhận là xong, không có khán thoại đầu. Đến các Tổ sư sau này thấy tâm người không bằng cổ nhân, không thể tử tâm như khối đất, mà luôn tráo trở lăng xăng, mọi người chỉ đếm của báu cho kẻ khác mà làm nhận là của mình. Bởi thế nên các Ngài riêng lập môn đình (cảnh riêng) và mỗi vị chỉ ra một phương pháp, do đó mới dạy người học khán thoại đầu.

Thoại đầu rất nhiều, như: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” hay “Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt thật của ta?” v.v... nhưng phổ thông hơn cả là câu “Niệm Phật là gì?”.

Thế nào là thoại đầu? Thoại là lời nói, trước lời nói là đầu. Như niệm A Di Đà Phật là thoại, trước khi chưa niệm là thoại đầu. Nên nói thoại đầu là cái mé chưa sanh một niệm. Một niệm vừa sanh đã thành thoại vĩ (đuôi lời nói). Cái mé chưa sanh một niệm đó gọi là “không sanh”; không loạn động, không mê muội, không đắm nơi tịnh, không rơi vào không, gọi là “không diệt”. Luôn luôn chăm chú trở lại chiếu soi cái “không sanh không diệt” ấy, gọi là “khán thoại đầu” hoặc “chiếu cổ thoại đầu”.

Khán thoại đầu trước cần phải khởi nghi tình, đó là chỗ nương nhờ của pháp khán thoại đầu. Sao gọi là nghi tình? Như hỏi niệm Phật là gì? Người người đều biết chính mình niệm. Nhưng là miệng niệm hay tâm niệm? Nếu thật miệng niệm, khi ngủ mê vẫn có miệng sao không niệm? Nếu thật tâm niệm, tâm hình dáng thế nào, lại không có chỗ nơi sờ mó? Nhân chỗ không rõ này, trên chữ gì phát khởi niệm nghi nhẹ nhàng tế nhị, không cho thô, càng tế càng tốt. Tùy thời tùy chỗ chăm chú chiếu cổ quyết chỉ nơi niệm nghi này, giống như dòng nước không có chỗ đoạn, không sanh hai niệm. Nếu niệm nghi còn thì không cần để ý đến nó, niệm nghi nếu mất lại nhẹ nhàng đề khởi lên. Khi mới dụng tâm thì trong tịnh, trong động so sánh rất đặc lực. Nhưng cốt không sanh tâm phân biệt, không quan tâm đến đặc lực hay không đặc lực, không chú ý trong động hay trong tịnh, ta chỉ nhất tâm, nhất ý dụng công là tốt.

Bốn chữ Niệm Phật là gì, rất quan trọng tại chữ gì, ngoài ra ba chữ kia chẳng qua là để nói cho to mà thôi. Như “mặc áo, ăn cơm là gì?”, “đại tiểu tiện là gì?”, “phá vô minh là gì?”, “hay hiểu biết là gì?”, bất luận đi đứng ngồi nằm một khi đề chữ gì lên là để phát niệm nghi, không cần suy nghĩ xét nét để ý mới có. Cho nên chữ gì trong câu thoại đầu thật tại là một diệu pháp của tham thiên. Nhưng không phải đem một chữ gì, hoặc bốn chữ niệm Phật là gì coi như danh hiệu Phật mà niệm; cũng không phải suy nghĩ xét nét câu niệm Phật là gì mà cho là nghi tình. Có một số người đem bốn chữ niệm Phật là gì ra niệm suốt ngày không dừng miệng, như thế chỉ bằng niệm A Di Đà Phật công đức còn hơn. Có một số người nghĩ quanh tính quẩn, tìm đông kiếm tây cho đó là nghi tình, đâu biết rằng càng nghĩ càng tính vọng tưởng càng nhiều, giống như người muốn lên lại bị rơi xuống, cần phải biết vậy.

Người sơ tâm phát niệm nghi rất thô, chợt dứt chợt nổi, chợt chín chợt sống, đều không được nghi tình, chỉ gọi là Tưởng. Lần lần thu nhiếp được tâm cuồng loạn, niệm đầu cũng kèm giữ được chút ít, mới gọi là Tham. Lại tiến dần dần công phu thuần thực không nghi mà tự nghi, không biết mình đang ngồi ở chỗ nào, cũng không biết có thân tâm thế giới, chỉ riêng niệm nghi hiện tiền không gián đoạn, đó gọi là nghi tình. Thật tế mà nói, lúc đầu chưa kể là dụng công chỉ đã phá vọng tưởng, đến khi chân nghi hiện tiền mới là giai đoạn chân chánh dụng công. Giai đoạn này như qua cửa ải lớn rất dễ vào đường tế.

Giai đoạn này rất thanh tịnh và vô hạn khinh an, nếu mất một ít giác chiếu bèn rơi vào trạng thái mê muội nhẹ nhàng. Nếu khi ấy có bậc sáng suốt ở bên, một phen nhìn qua liền biết người ấy đang mắc tại cảnh giới này, lấy một hương bàn đập xuống, lập tức đầy trời mây mù tan hết, rất nhiều người nhân đây được ngộ đạo.

Chính khi rất thanh tịnh rỗng rang ấy, nếu nghi tình không còn bèn rơi vào vô ký, ngồi như cây như đá, hoặc gọi hòn đá ngâm nước lạnh. Đến khi đó cần phải đề khởi, đề khởi tức là giác chiếu (giác là không mê, tức là tuệ; chiếu là không loạn, tức là định) chăm chú một niệm ấy, lặng lẽ chiếu soi, như như không động, sáng sủa không mê, rành rõ thường biết, như lạnh nóng rút hơi, một mạch liên tục không dứt.

Dụng công đến chỗ này cần có con mắt Kim cang không đề khởi thêm, nếu đề khởi thì đã đầu lại thêm đầu. Xưa có vị tăng hỏi Triệu Châu Lão nhân rằng: “Một vật khi không đem đến làm thế nào?”. Châu đáp: “Buông hết đi!”. Tăng thưa: “Một vật không đem đến, buông hết cái gì?”. Châu bảo: “Buông không xuống thì gánh lên!”. Chính là nói giai đoạn này vậy. Trong cảnh sáng sủa mát mẻ này như người uống nước lạnh nóng tự biết, không

phải nói năng có thể đến được. Người đến chỗ này tự nhiên sáng suốt, người chưa đến được có nói cũng vô ích. Nên nói: “Trên đường gặp kiếm khách nên trình kiếm, không phải nhà thơ chớ tặng thơ”.

d) Chiếu cố thoại đầu cùng phản văn văn tự tánh.- Hoặc có người hỏi: “Câu phản văn văn tự tánh của Bồ-tát Quán Thế Âm sao được gọi là tham thiên?” - Tôi mới nói chiếu cố thoại đầu chính là dạy ông luôn luôn chăm chú một niệm hồi quang phản chiếu cái “không sanh không diệt” (thoại đầu). Phản văn văn tự tánh cũng là dạy ông luôn luôn chăm chú một niệm phản văn văn tự tánh. Hồi chính là Phản, không sanh không diệt là Tự tánh. Văn và chiếu, tuy lúc xuôi dòng theo thình sắc, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, phân biệt rõ ràng; nhưng khi ngược dòng trở lại quán tự tánh không chạy theo thình sắc, chính là một cái tinh minh, Văn và Chiếu đầu phải hai thứ. Chúng ta cần biết, nói rằng “Chiếu cố thoại đầu”, “Phản văn tự tánh” tuyệt đối không phải dùng mắt xem, dùng tai nghe. Nếu dùng mắt xem, hoặc dùng tai nghe, ấy là đã chạy theo thình sắc, bị vật chuyển gọi là xuôi dòng. Nếu chăm chú trong một niệm “không sanh không diệt”, không đuổi theo thình sắc, gọi là ngược dòng. Ấy là “Chiếu cố thoại đầu”, cũng là “Phản văn tự tánh”.

e) Tâm thiết tha vì sanh tử cùng phát tâm lâu dài. - Tham thiên rất cần tâm thiết tha vì sanh tử và phát tâm lâu dài. Nếu đối với sự sanh tử không thiết tha thì nghi tình không phát, công phu khó đạt. Nếu không phát tâm lâu dài, một nóng mười lạnh thì công phu cũng không thành phiền. Chỉ cần có tâm thiết tha lâu dài thì chân nghi mới phát. Khi chân nghi phát thì trần lao phiền não không dứt cũng tự dứt. Khi thời tiết nhân duyên đến tự nhiên nước tự thành ngòi.

Tôi xin thuật lại một việc cũ chính mắt tôi thấy cho các ông nghe. Lúc trước, đời Thanh khoảng năm Canh Tý, Liên quân tám nước vào kinh đô, tôi theo chân vua Quang Tự và Từ Hy Thái hậu chạy giặc. Giữa đường gặp một đoạn phải chạy bộ về Thiểm Tây, mỗi ngày chạy mấy mươi cây số, luôn mấy ngày không có cơm. Trên đường gặp một ông già đem dâng vua Quang Tự một miếng khoai rừng, ăn xong vua hỏi người ấy: “Thứ gì ăn ngon lắm vậy?” Các ông thử tưởng, Hoàng đế ngày thường rất kiêu cách, rất oai phong, đâu từng đi bộ hơn mấy bước, chưa từng đói quá nửa bụng, chưa từng ăn hết một miếng khoai rừng. Đến lúc này, kiêu cách chẳng có, oai phong không còn, lợi bộ cũng được, bụng đói cũng chịu, ăn rễ rau cũng ngon. Vì sao mà ông bỏ hết được? – Vì Liên quân đuổi bắt ông, ông nhất tâm chạy chết. Đến sau được nghị hòa, ông ngự giá về kinh, kiêu cách lại khởi, oai phong lại hiện, đi bộ không nổi, bụng đói không được, cái gì không ngon thì nuốt không trôi. Sở dĩ thế, tại khi này ông buông không hết, vì Liên quân không còn đuổi bắt

ông, ông không có tâm chạy chết. Giả sử ông thường đem cái tâm chạy chết ấy mà tu hành thì thế nào không thành công; đáng tiếc ông không có tâm lâu dài, gặp thuận cảnh thái độ cũ lại bộc khởi.

Các vị đồng tham thiên! Bọn quỷ vô thường luôn luôn theo đuổi sanh mạng chúng ta, không bao giờ chúng chịu “nghị hòa”. Chúng ta cần phải phát tâm thiết tha lâu dài để giải thoát vòng sanh tử. Tổ Cao Phong Diệu nói: “Người tham thiên cần yếu khắc định ngày thành công, giống như người rơi xuống giếng sâu ngàn trượng từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng muôn ngàn tư tưởng chỉ chăm chăm một việc mong ra khỏi giếng, trọn không có niệm thứ hai. Người thực hành được như vậy, hoặc ba ngày, năm ngày, bảy ngày, nếu không triệt ngộ, Cao Phong ngày nay phạm tội đại vọng ngữ hằng đọa trong địa ngục Bạt Thiệt”. Cao Phong Lão nhân vì lòng đại bi thiết tha sợ e chúng ta không phát tâm thiết tha lâu dài, nên phát lời thề nặng này để bảo chứng cho chúng ta.

g) Dụng công có hai thứ khó và dễ. - Người dụng công có hai thứ khó và dễ:

1.- Sơ dụng tâm khó dễ

2.- Lão dụng tâm khó dễ

1.- Sơ dụng tâm khó dễ.

Sơ dụng tâm khó - Tâm trộm không chết.

Cái thông bệnh của người sơ dụng tâm là vọng tưởng, tập khí buông không hết, vô minh, cao mạn, tật đố, chướng ngại, tham, sân, si, ái, lười biếng, ăn ngon, phải quấy, nhân ngã đầy dẫy trong bụng, làm sao tương ưng với đạo? Hoặc có người là công tử hay ca sĩ xuất gia tập khí không quên, một chút khổ nhọc chịu không nổi, một miếng không ngon nuốt chẳng vô, làm sao dụng công tu hành? Người này không chịu tưởng nhớ đức Bổn Sư Thích Ca là hạng nào đi xuất gia mà chịu khổ khổ được như vậy? Hoặc có người biết chút ít văn tự bèn tầm chương trích cú đem những lời nói của cổ nhân ra phân tích, rồi cho mình là hiểu hoàn toàn sanh đại ngã mạn; nhưng đến khi bệnh nặng thì rên xiết suốt ngày, hoặc đến lúc sắp lâm chung thì tay co chân rút, bình sanh chỗ hiểu biết không thực hành được một điểm, đến khi hấp hối ăn năn sao kịp?

Hoặc người có chút đạo tâm lại không hiểu rõ chỗ hạ thủ công phu. Có người sợ vọng tưởng cố trừ mà trừ không được, trọn ngày buồn rầu bực tức tự hạn nghiệp chướng nặng nề, nhân đó thối thất đạo tâm. Hoặc có người quyết cùng vọng tưởng chiến đấu, chăm bảm chống tay xông hơi, ưỡn ngực trừng mắt giống vẻ mặt hầm hầm của tên giám sát, quyết cùng vọng tưởng một còn một mất, họ đâu biết như vậy, vọng tưởng đã đuổi không được, trở

lại mang bệnh thổ huyết, phát cuồng. Hoặc có người sợ rơi vào không, đầu gối trước đã sanh ra quĩ; không vẫn là không chẳng động, ngộ lại ngộ chẳng đến. Hoặc có người khởi tâm cầu ngộ, ngộ đầu cầu ngộ đạo mong thành Phật đều là đại vọng tưởng; cát không phải là cơm, cầu đến bao nhiêu năm quyết định cũng không ngộ. Hoặc có người chợt được yên tịnh một vài cây hương bèn sanh vui mừng, ấy chỉ là con rùa đen mù tìm bóng cây, ngẫu nhiên đụng nhằm chẳng phải là công phu thật, mà vui mừng sớm đã nhập vào tâm vậy. Hoặc có người trong chỗ yên tịnh biết được thanh tịnh rất thích, trong chỗ động thì mất thanh tịnh, nhân đó tránh chỗ ồn náo tìm chỗ yên tịnh, ấy là đã sớm làm quyến thuộc của hai thứ ma vương động tịnh. Các người như vậy thật rất là nhiều. Kể sơ dụng tâm không thấu rõ đường lối tu tập thật là khó. Có giác mà không chiếu thì tán loạn không thể “đến nhà”. Có chiếu mà không giác lại “ngồi chết chìm trong nước chết”.

b- Sơ dụng tâm dễ - Buông xuống chỉ để một niệm.

Dụng công tuy nói khó, nhưng hiểu rõ đường lối lại rất dễ. Tại sao sơ dụng tâm là dễ? – Không có gì khéo, buông hết liền được. Buông hết cái gì? – Buông hết tất cả vô minh phiền não. Làm sao buông hết được? – Chúng ta coi thân này như chết vậy. Ông thử chửi thầy chết bao nhiêu câu, nó cũng không phát giận, đánh mấy gậy nó cũng không chống cự, lúc sống ưa phá vô minh bây giờ cũng không phá, lúc sống ưa danh lợi khi này cũng không màng, lúc sống nhiều thứ tập nhiễm khi này không có, cái gì cũng không phân biệt, cái gì cũng bỏ hết. Chư vị đồng tham thiền! Chúng ta mang xác thân này một phen hơi thở ra không trở lại bèn thành thầy chết. Chúng ta sở dĩ buông không hết, chỉ do xem thân này là trọng, sanh nhân ngã phải quá thương ghét thủ xả. Nếu nhận định thân này như thầy chết, không quý trọng nó, không chấp nó là ngã thì có cái gì buông không hết? Chỉ cần buông được hết, trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm, động tịnh rảnh rang bận rộn, toàn thân trong ngoài chỉ là một niệm nghi, bình thản không dứt niệm nghi, không chen niệm nào khác. Một câu thoại đầu như nương Ý Thiên trường kiếm, ma đến ma chết, Phật đến Phật chết, không sợ vọng tưởng thì có cái gì phá hại ta được? Có cái gì phân động phân tịnh, có cái gì chấp hữu chấp không? Như quả thật sợ vọng tưởng, ấy là chồng thêm một lớp vọng tưởng. Biết mình thanh tịnh, thế là đã không thanh tịnh. Sợ rơi vào không, chính đã rớt trong có. Tưởng thành Phật, đã vào đường ma. Nên nói: “Bữa củi gánh nước đâu không phải diệu đạo, cày ruộng cuốc đất đều là thiền cơ”. Không phải trong khi ngồi kiết già mới gọi là dụng công tu hành.

2.- Lão dụng tâm khó dễ.

Lão dụng tâm khó – Đầu sào trăm thước không thể tiến bước.

Thế nào là lão dụng tâm khó? Lão dụng tâm đến giai đoạn chân nghi hiện tiền, có giác có chiếu vẫn thuộc sanh tử, không giác không chiếu lại rơi vào không vong, đến cảnh giới này thật là khó. Đa số người đến chỗ này vượt qua không khỏi, đứng trên đầu sào trăm thước không có cách nào tiến bước. Có một số người nhân đến cảnh giới này, trong định phát chút ít tuệ hiểu sơ lược một ít công án của cổ nhân, liền bỏ hết nghi tình, tự cho là đại triệt đại ngộ, ngâm thi vịnh phú, nhướng mày chớp mắt, xưng là thiện tri thức, thật không biết mình đã rơi vào bè đảng của ma. Lại có người hiểu lầm ý nghĩa câu của Đạt-ma Lão nhân nói: “Ngoài dứt các duyên, trong tâm không xao động, tâm như vách tường có thể vào đạo” và câu của Lục Tổ nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa”, bèn cho ngồi như cây như đá là hay tuyệt. Hạng người này cho Hóa thành là Bảo sở, nhận xứ người cho là quê hương, thật là chỗ Bà tử đốt am và máng “Các người là người chết”.

Lão dụng tâm dễ - Cứ miền mặt đi !

Thế nào là lão dụng tâm dễ? – Đến lúc này chỉ cần không tự mãn, không bỏ nửa chừng, thăm thăm kín kín dụng công, trong thăm kín lại thăm kín, trong vi tế lại vi tế, khi thời tiết đến đáy thùng tự bể (đại ngộ). Nếu không tự bể, nhờ thiện hữu tri thức nhỏ đĩnh rút chốt cho.

Đại sĩ Hàn Sơn có bài tụng:

Chót vót trên đỉnh núi,

Bốn phía không mé bờ.

Ngồi tịnh chả ai biết,

Suối lạnh vàng trắng soi.

Trong suối vốn không trăng,

Trời xanh trắng xa thăm.

Ngâm một bài ca này,

Trong ca thiền chẳng có.

Hai câu đầu nói cái chân thường bày hiện, không thuộc một cái gì, sáng chiếu khắp đại địa không một mảy chướng ngại. Bốn câu kế nói chân như diệu thể phàm phu hãn không thể biết, ba đời chư Phật cũng tìm không được chỗ nơi của ta, nên nói: “chả ai biết”. Ba câu “Suối lạnh vàng trắng soi v.v...” là Lão nhân dùng phương tiện thí dụ cảnh giới ấy. Hai câu rốt sau, sợ người nhận lầm ngón

tay là mặt trăng, nên đặc biệt cảnh giác chúng ta “phàm có nói năng không phải là thiên”.

3. KẾT LUẬN:

Chính tôi mới nói ở trên cũng là gỡ rối chỉ đường mà thôi. Phàm có nói năng đều không phải thật nghĩa. Cổ đức tiếp độ người, nếu không đánh thì nạt, đâu có vẽ bày lằng xằng vậy. Chẳng qua người nay không thể sánh với người xưa, miễn cưỡng dùng tay chỉ mặt trăng. Chư vị đồng tham thiên! Cứu cánh ngón tay là gì? Mặt trăng là gì? Hãy tham đi!



III. LỜI NHẮC KHI THAM THIÊN.

Tâm tức là Phật, Phật tức là giác. Một cái giác tánh này chúng sanh và Phật bình đẳng không sai biệt; rỗng lặng trọn không có một vật, không thọ một pháp, không thể tu chứng; sáng suốt mà đầy đủ muôn đức, diệu dụng hằng sa không nhờ tu chứng. Chỉ vì chúng sanh mê muội trầm luân sanh tử trải qua rất nhiều số kiếp, tham, sân, si, ái, vọng tưởng chấp trước nhiệm ô đã sâu dày, bất đắc dĩ mới nói tu nói chứng. Thế nên, nói “tu” cổ nhân cho là một việc chẳng lành, không cách nào hơn mới tạm dùng vậy thôi.

Thứ nói nhập thất. Quý vị nhập thất trải qua hai mươi một ngày. Trong hai mươi một ngày xét ra thân tâm có phần thuần thực, dụng công sánh với trước được dễ dàng. Quý vị cố gắng đừng để nhân duyên qua mất. Cần yếu trong hai mươi một ngày làm sao cho được nước rút đá lộ, phát minh tâm địa mới khỏi cô phụ cái cơ duyên khó gặp này.

Hơn hai mươi ngày nay, quý vị từ sáng đến tối thức sớm ngủ trễ, nỗ lực dụng công, kết quả không ngoài bốn thứ cảnh giới:

1.- Có người đường lối không thông, câu thoại đầu khán không đến, mơ mơ màng màng theo chúng ngủ gật, không bị vọng tưởng lằng xằng thì bị hôn trầm lôi kéo.

2.- Có người khán đến câu thoại đầu, có chút ít hiểu bèn chấp chặt, chỉ là nắm chết cứng hòn gạch gõ cửa, niệm chấp câu thoại đầu “Niệm Phật là gì?”, thành ra niệm thoại đầu, cho như thế là khởi nghi tình được khai ngộ. Đâu biết đó là dụng tâm tại thoại vĩ. Nó là pháp sanh diệt không thể đến được chỗ một niệm không sanh, tạm dùng còn khá dĩ, nếu chấp cho là cứu cánh thật pháp thì mong gì có ngày ngộ đạo? Gần đây trong thiên tông sở dĩ không có người đạt đạo, phần nhiều do lầm dụng tâm tại thoại vĩ.

3.- Có người hiểu khán thoại đầu, hay chiếu cố đến hiện tiền một niệm không sanh. Hoặc hiểu niệm Phật là tâm, tức từ chỗ một niệm phát khởi này thẳng khán đến tâm tướng vô niệm. Theo dõi lần đến chỗ tịch tịnh, những vọng tưởng thô đã dứt, được khinh an, liền có các cảnh giới phát hiện. Hoặc không biết thân tâm mình đang ngồi chỗ nào. Hoặc biết thân được nhẹ nhàng có thể bay bổng lên trên. Hoặc thấy người, vật đẹp đáng yêu nên sanh tâm hoan hỷ. Hoặc thấy cảnh giới đáng sợ, khởi tâm kinh khủng. Hoặc khởi tâm dâm dục v.v... nhiều thứ không phải một, cần biết đó đều là ma, chấp nó bèn thành bệnh.

4.- Có người nghiệp chướng nhẹ nhàng, đường lối rành rõ, dụng công đúng cách, tiến đúng phương pháp, tâm được thanh tịnh sáng suốt, tất cả vọng tưởng đều dứt, thân tâm tự tại không có cảnh giới nào khác. Đến chỗ này chấn khởi tinh thần theo đường lối trước dụng công, chỉ phải chú ý “cây khô trước hang nhiều lối rẽ”. Có khi đến chỗ này, rồi dừng trụ trong hôn trầm. Có khi đến chỗ này được chút ít tuệ giải, rồi làm thi làm văn, tự cho là đầy đủ, khởi cống cao ngã mạn.

Bốn cảnh giới trên đều là bệnh, tôi sẽ chỉ quý vị phương thuốc đối trị.

a) Như người câu thoại đầu khán không đến, nhiều vọng tưởng hôn trầm, ông nên khán lại chữ gì trong câu “Niệm Phật là gì?”. Khán đến khi nào vọng tưởng hôn trầm còn ít, chữ gì không quên, liền khán đến chỗ một niệm mới phát khởi. Ở đó đợi đến lúc một niệm không khởi tức là được không sanh. Hay khán đến một niệm không sanh, gọi là chân khán thoại đầu.

b) Người chấp chặt câu “Niệm Phật là gì?”, dụng tâm tại thoại vĩ, lấy pháp sanh diệt cho là phải, cũng nên theo ý tứ tôi đã chỉ ở trên, tức là nhắm chỗ một niệm phát khởi, khán đến một niệm không sanh.

c) Người quán vô niệm đã được tịch tịnh khinh an mà gặp những cảnh giới khác lạ, ông nên chiếu cố câu thoại đầu cũ, một niệm không sanh, Phật đến Phật chết, ma đến ma chết, một bề không để ý đến, tự nhiên vô sự không rơi vào chúng tà.

d) Người vọng niệm đã dứt, thanh tịnh sáng suốt thân tâm tự tại, nên như cổ nhân nói: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?”. Do một bề tiến đến chỗ cùng cực, thẳng tiến lên ngọn núi cao chót vót đứng, xuống tận đáy biển sâu thăm thẳm đi, lại buông tay ngang dọc.

Trở về trước đã nói, đều là đối với người độn căn trong thời mạt pháp mà chỉ phương pháp. Kỳ thật tông môn thượng thượng nhất thừa này chỉ thú do đức Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni ở trong hội Linh Sơn đưa cành hoa sen lên biểu thị là “Giáo ngoại biệt

truyền”. Trải qua chư vị Tổ sư chỉ truyền tâm, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, không rơi vào giai cấp, không nhờ tu chứng. Trong một lời nói, hoặc nửa câu liền thấu rõ không một pháp có thể được, không một pháp có thể tu, liền đó không khởi vọng duyên tức là như như Phật, đâu cần học nhiều câu ư?

☞

IV. ĐÊM TRỪ TỊCH ƯỚNG PHỒ TRÀ DẠY CHÚNG.

Chư vị Thượng tọa! Đêm nay là ba mươi tháng Chạp rồi, đại chúng đều nhận đã một năm qua, Thường trụ không có món gì ngon cúng dường, xin thỉnh chư vị uống một chung trà. Chiếu theo sách lịch một năm có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông; mười hai tháng và hai mươi bốn tiết. Người đời hầu hết đều căn cứ theo thời tiết mà làm việc. Như nhà nông thì mùa xuân cày, mùa hạ bừa, mùa thu gieo, mùa đông gặt. Thợ thầy thì khởi công đình công. Buôn bán thì khai trương kết trương. Trường học thì tựu trường bãi trường. Chúng ta người xuất gia thì kiết chế giải chế, thỉnh chức thối chức. Không một nghề nào mà chẳng căn cứ thời tiết làm việc. Một số người cho năm qua là rất quan trọng cần phải thu nhật những việc đã làm tổng kết lại, đồng thời cần phải nghỉ mấy ngày.

Chúng ta có duyên lành hãn diện ngày nay đồng ở tại Vân Môn bình yên qua một năm. Đó là nhờ Phật Tổ Bồ-tát gia hộ và Long Thiên phù trì, cũng do chúng ta nhiều kiếp tài bồi công đức mới cảm được quả tốt này. Nhưng, chúng ta được bình yên qua năm không thể quên được những người đang sống trong thống khổ. Chúng ta không thể thích thú vui cười, cần phải tinh xét ăn năn sám hối, tinh tấn tu hành tự lợi lợi tha, khuếch trương phước tuệ. Những vị già, cái chết đến trong chớp mắt cần phải tinh tấn đồng mãnh tu hành. Những người trẻ, cũng không nên lừng lơ qua ngày, phải biết con đường huynh tuyền không lựa già hay trẻ, mờ hoang biết bao người trẻ tuổi. Tóm lại, tất cả đều sớm nỗ lực cầu thoát khỏi vòng sanh tử mới là thượng kế.

Chúng ta lâu nay mỗi ngày thường uống trà, tại sao hôm nay gọi “uống “Phổ trà”? Ấy là do lòng nhân từ của tiền bối mượn uống trà để kính tinh môn đồ. Xưa Triệu Châu Lão nhân đạo đức cao siêu, học giả mười phương đến tham học rất đông. Một hôm, có hai vị tăng mới đến, Triệu Châu chỉ một vị hỏi: “Thượng tọa từng đến đây chưa?”. Vị tăng thưa: “Chưa từng đến”. Triệu Châu bảo: “Uống trà đi!”. Lại hỏi vị tăng khác: “Từng đến đây chưa?”. Vị tăng ấy thưa: “Đã từng đến đây”. Triệu Châu bảo: “Uống trà đi!”. Viện chủ bạch: “Người chưa từng đến dạy uống trà còn có thể được, người đã từng đến vì sao cũng dạy uống trà đi?”. Triệu Châu gọi “Viện chủ!”. Viện chủ đáp: “Đạ!”. Triệu Châu bảo: “Uống

trà đi!”. Như thế, cả ba người đều được lợi ích. Sau này truyền khắp thiên hạ “Trà Triệu Châu”. Lại như Tổ Vân Môn ở đây, có một học giả đến yết kiến, Ngài bèn cầm cái bánh đưa lên, học giả liền lãnh hội. Sở dĩ thiên hạ lưu truyền “Bánh Vân Môn”, “Trà Triệu Châu”. Hiện giờ chư vị uống trà, ăn bánh đã ngộ chưa? Nếu như chưa ngộ, phải dùng cách hỏi: “Uống trà là gì?”, “Ăn bánh là gì?”. Đại để người xưa mỗi niệm hợp đạo, mỗi bước đều vô sanh, nên trải qua một câu kinh tinh liền được ngộ đạo. Người nay phạm hạnh chưa trong sạch thường ở trong động, mỗi niệm sanh diệt che lấp sâu dày, làm sao chỉ dạy pháp, cũng không giáo hóa người khác. Cho nên chư vị phải buông hết tất cả, không cho phàm tình vọng niệm làm nhiễm ô cái chân tâm sáng suốt của mình. Cổ nhân nói: “Chỉ dứt hết phàm tình, không riêng có Thánh giải”. Các ông nay uống trà nếu không biết hương vị của trà, thì đồng cây đá, nếu biết hương vị của trà, ấy là phàm phu. Làm sao bỏ được hai bên có và không này, đó là bản phận của tăng sĩ vậy. Tuy nhiên, siêu thoát hai cái hiểu biết này vẫn còn sanh hoạt trong hang quỉ. Các ông phải kỹ càng “Buông hết thân tâm, chớ theo các cơ quan mà chuyển động”, ngay đó tham đi!

☞

V. TU CÙNG KHÔNG TU.

Giảng tu hành, giảng không tu hành đều là câu nói suông. Chúng ta thấu triệt tâm quang của mình rồi, liền đó không có một việc thì còn cái gì mà nói tu không tu. Thử xem chỗ hiển bày của Đức Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni, xuất gia, hỏi đạo, sau sáu năm khổ hạnh chứng đạo, khi sao mai mọc, Ngài than: “Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước không thể chứng được. Nếu lìa vọng tưởng là thanh tịnh trí, tự nhiên trí, vô sư trí tự nhiên hiện tiền”. Về sau nói pháp bốn mươi chín năm, mà Ngài tuyên bố: “Ta chưa từng nói đến một chữ”. Sau này, trải qua chư vị Tổ sư một mạch truyền nối đều nhận định “Tâm, Phật, chúng sanh ba cái không khác”, “Chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật”. Nói ngang, nói dọc, hoặc đánh, hoặc nạt đều vì đoạn trừ phân biệt vọng tưởng của học giả; cốt cho học giả thẳng đó “biết được bản tâm, thấy được bản tánh của mình”. Không nương vào một chút phương tiện nói tu nói chứng. Ý chỉ của Phật Tổ, chúng ta đã thấy rõ ràng lắm vậy.

Một niệm tâm hiện tiền của chúng ta xưa nay vẫn thanh tịnh, vẫn tự đầy đủ, bủa trùm khắp giáp, diệu dụng hằng sa cùng với chư Phật ba đời không khác. Chỉ cần không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không nghĩ gì cả, liền đó có thể thành Phật, ngồi một chỗ mà thiên hạ thái bình. Như thế, còn có hạnh nào đáng tu, giảng tu hành đâu không phải là câu nói suông. Nhưng một niệm tâm hiện tiền của chúng ta

đang hướng ngoại tìm cầu, vọng tưởng chấp trước không thể rời được, từ vô thi đến nay lưu chuyển trong sanh tử, vô minh phiền não nhiễm quá sâu dày, ban đầu không biết tự tâm là Phật, biết rồi cũng chẳng chịu thừa đương, không thể làm chủ được, không có cái dũng khí của người tráng sĩ chặt tay, hằng ngày ở trong vọng tưởng chấp trước. Người bậc thượng, trọn ngày làm thế này thế nọ, cầu thiền cầu đạo, mà không thể rời được hữu tâm. Người bậc hạ, tham sân si ái bèn chặt không thể phá, chạy ngược với đạo. Hai hạng người này trầm luân trong sanh tử không biết chừng nào dứt; nếu giảng không tu hành đâu không phải lời nói suông?

Các bậc đại trượng phu nhận định đã thấu triệt, biết rõ muôn sự muôn vật xưa nay đều là giấc mơ, huyễn hóa, hòn bọt, cái bóng không có tự tánh, nhân và pháp liền không, muôn duyên đều dứt, một niệm là muôn năm, thẳng đến chỗ vô sanh. Người bàng quan nhìn vào thấy bậc ấy cũng mặc áo, ăn cơm, đi đứng ngồi nằm như người thường. Đâu biết bậc ấy đang ngồi yên trong nhà thái bình thanh tịnh của mình, hưởng thọ kho báu vô tận, không khởi tâm không tạo tác, tự do tự tại, động tịnh đều là như như, lạnh hay nóng chỉ vị ấy tự biết mà thôi. Không những người, trời, quỷ thần trong tam giới lục đạo nhìn vị ấy không thấu, chính là chư Phật Bồ-tát cũng chẳng làm gì được người ấy. Đối với bậc này, còn nói cái gì là tu hành hay không tu hành?

Hạng kế đó, cần phải phát khởi chí hướng, thống thiết nhớ việc chết sống, phát tâm hổ thẹn, khởi hạnh tinh tấn, hỏi đạo và cố gắng tham thiền; thường cầu thỉnh các bậc thiện tri thức chỉ dạy lối tắt, phân biệt thế nào là chánh, là tà; tha thiết giữa mài, lấy nước sông Hán mà rửa, đem ra mặt trời Thu mà phơi, dần dần càng được tinh thuần trắng sạch. Với hạng người này không thể không nói tu hành .

Đã nói từ trước đến đây chẳng qua dòi trên đời dưới đều thuộc phương tiện tạm thời, người mắt sáng xem qua cốt nhận “vạch bùn lấy nước”. Song Tổ đình đã cuối thu, cách Phật ngày càng xa thẳm, vì ứng hợp căn cơ chúng sanh, bắt đắ dĩ mới giảng giải thế này. Xét thật, giảng tu hành, giảng không tu hành đều là lời nói suông. Thẳng đó là vô sự, vốn không có một vật, đâu phiền mở miệng. Các Bồ-tát hội chẳng?

